

4 CHÂN DUNG NHÀ TRIẾT HỌC

HÀN PHI (韩非)

HOÀNG MINH QUÂN

HÀN PHI (韩非, 280 TCN-233 TCN), nhà tư tưởng Trung Quốc thời Chiến Quốc, là học trò của Tuân Tử, chịu ảnh hưởng của các nhà tư tưởng thuộc Pháp gia như Thận Đáo, Thân Bất Hại, Thương Ưởng.



Hàn Phi vốn là công tử nước Hàn nhưng không được vua Hàn trọng dụng. Ông đã nhiều lần viết thư dâng lên vua Hàn, nhưng vua Hàn đều không dùng. Đến khi Tần Thủy Hoàng đánh nước Hàn, vua Hàn mới sai Hàn Phi đi sứ sang Tần. Sang Tần, Hàn Phi viết thiên *Tôn Hàn* nhằm thuyết phục vua Tần không đánh nước Hàn. Tần Thủy Hoàng trước đó đã đọc các thiên *Cô phần*, *Ngũ đố* của Hàn Phi, vốn rất mong muốn được kết giao, nhưng Lý Tư và Diêu Giả gièm pha với Tần Thủy Hoàng rằng Hàn Phi chỉ có ý lo cho nước Hàn chứ không lo cho nước Tần, nếu để Hàn Phi đi thì sẽ để lại hậu họa, vì vậy tốt hơn hết là nên khép tội mà trừng trị ông. Vua Tần cho là phải, mới bắt giam Hàn Phi. Lý Tư lại sai người đưa thuốc độc vào để Hàn Phi tự sát. Khi Tần Thủy Hoàng hối hận, muốn thả Hàn Phi đi, thì ông đã chết rồi. Trong *Sử ký*, Tư Mã Thiên đã hai lần tỏ ý tiếc nuối rằng, Hàn Phi là người hiểu rõ sự khó khăn của việc du thuyết, lại từng viết nên thiên *Thuyết nan* để nói về sự khó khăn ấy một cách rất đầy đủ, vậy mà vẫn không thoát được nạn ở nước Tần.

Hàn Phi được xem là người tập đại thành của Pháp gia ở Trung Quốc thời cổ đại.

Ông kế thừa thuyết tính ác của Tuân Tử, lại tiếp thu quan niệm trọng *pháp* của Thương Ưởng, quan niệm trọng *thuật* của Thân Bất Hại và quan niệm trọng *thế* của Thận Đáo, để xây dựng nên tư tưởng pháp trị của mình. Ông cho rằng, bản tính con người vốn ham lợi, ghét hại, các mối quan hệ giữa người với người trong xã hội, bất kể là vua tôi, cha con, chồng vợ, v.v., đều được tạo dựng trên cơ sở lợi ích, nên không thể cai trị đất nước bằng đức trị, mà cần phải dùng pháp trị. Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi là tư tưởng về việc trị nước dựa trên sự tổng hợp của *pháp*, *thuật*, *thế*, nghĩa là coi trọng việc xây dựng pháp luật (*pháp*), sử dụng thuật dùng người, xét việc để quản lý đội ngũ quan lại (*thuật*), đồng thời củng cố quyền thế cho người cai trị (*thế*).

Theo Hàn Phi, *pháp* cần phải dễ hiểu, công khai, công bằng, đồng thời có tính linh động, phù hợp với thời thế. Về *thuật*, Hàn Phi đưa ra rất nhiều thủ đoạn tinh vi nhằm nhìn nhận, đánh giá, sai khiến bầy tôi, trong đó, một trong những nội dung quan trọng nhất là *thuật hình danh*, tức là biện pháp giao việc và xem xét hiệu quả công việc

dựa trên sự đối chiếu giữa lời nói của bầy tôi (*danh*) và công việc mà họ làm được (*hình*). Còn *thế* là cái quyền thế mà người cai trị phải nắm chắc, bởi nó là chỗ dựa để thắng được đám đông, Hàn Phi chỉ ra rằng, một ông vua kém mà có thế thì vẫn có thể khiến dân chúng quy phục, còn thánh nhân không có *thế*, thì vẫn chỉ là bầy tôi. *Pháp, thuật, thế* đều là những công cụ không thể thiếu được trong việc trị nước, vì vậy, người cai trị cần phải có cả ba. Quan niệm này đã khắc phục sự thiếu hụt trong học thuyết của các nhà tư tưởng thuộc Pháp gia trước Hàn Phi, khi họ mới chỉ coi trọng từng công cụ trên một cách riêng rẽ. Chính ở đây, Hàn Phi đã vượt lên trên họ để đưa tư tưởng pháp trị thời Tiên Tần lên đến đỉnh cao.

Hàn Phi luôn nhấn mạnh vào tính hiệu quả thực tế của đường lối pháp trị trong sự đối sánh với đường lối đức trị. Ông cho rằng, người trị nước không chờ đợi người dân yêu mình, mà cần khiến cho người dân không thể làm điều sai trái. Nếu căn cứ vào bản tính háms lợi của số đông con người, thì không thể trông chờ vào việc giáo hóa để khiến cho người dân tự mình trở nên lương thiện, vì thế, Hàn Phi khẳng định người cai trị không lo về đức, mà phải lo về pháp luật. Hàn Phi xem việc cai trị bằng đạo đức cũng như đợi mũi tên tự nó thẳng, đợi cây gỗ tự nó tròn, đợi mũi tên tự nó thẳng thì một trăm đời cũng không có tên, đợi cây gỗ tự nó tròn thì một ngàn đời cũng không có bánh xe, cho nên ông đặc biệt đề cao sự can thiệp của người cai trị đối với quan lại và dân chúng, thông qua *pháp, thuật, thế* mà đưa họ vào quỹ đạo mà mình mong muốn. Nền chính trị lý tưởng của Hàn Phi là nền chính trị mà ở đó, người dân tuân theo pháp mà sinh hoạt, bầy tôi chịu sự chế ước của *thuật* mà thi hành công việc của mình, như thế thì người cai trị không cần làm gì mà mọi việc vẫn được vận hành, đó cũng chính là nền chính trị vô vi. Hàn Phi tin rằng đường lối trị nước ấy là đường lối trị nước có tính khả thi, hiệu quả, bởi nếu tuân theo nó thì không cần đến thánh nhân, mà chỉ một ông vua ở mức độ trung bình cũng có thể cai trị được đất nước.

Tư tưởng của Hàn Phi thể hiện chủ trương xây dựng một nhà nước quân chủ tập quyền trong bối cảnh phân liệt ở Trung Quốc thời Chiến Quốc. Hàn Phi nhiều lần nhấn mạnh rằng người cai trị cần phải nắm chắc uy thế, quyền lực của mình mà không được chia sẻ cho bất cứ ai, còn bầy tôi thì tuyệt đối không được làm điều gì vượt quá chức phận. Trong tác phẩm của mình, ông còn khẳng định rằng, công việc ở bốn phương, mà điểm then chốt nằm ở trung ương, bậc thánh nhân nắm lấy cái then chốt mà bốn phương đến phục dịch. Đây có thể xem như sự biểu đạt rõ ràng nhất về chủ trương quân chủ tập quyền của Hàn Phi. Với chủ trương đó, dù sinh thời Hàn Phi không được trọng dụng, nhưng tư tưởng của ông vẫn có ảnh hưởng rất lớn trong lịch sử Trung Quốc nói chung, trong sự phát triển của chế độ quân chủ ở Trung Quốc nói riêng.

Hàn Phi vốn có tật nói ngọng, không giỏi biện luận, nhưng lại giỏi viết sách. Sau khi ông qua đời, người đời sau tập hợp những tác phẩm do ông viết thành sách, gọi là *Hàn Phi Tử*, gồm 20 chương, 55 thiên, lưu truyền đến ngày nay.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Hiến Lê, Giản Chi: *Hàn Phi Tử*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1994.
2. Tư Mã Thiên: *Sử ký*, Phan Ngọc dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003.
3. Hàn Phi: *Hàn Phi Tử*, Phan Ngọc dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2005.
4. Phùng Hữu Lan: *Lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.

GS.TS NGUYỄN NGỌC LONG: HÀNH TRÌNH TỪ MỘT GIÁO VIÊN TIỂU HỌC ĐẾN GIÁO SƯ, TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

LƯƠNG HIỀN

Dù đã nghỉ hưu, Giáo sư, Tiến sĩ (GS.TS) Nguyễn Ngọc Long vẫn dõi theo sự phát triển của triết học nước nhà. Hành trình hơn 54 năm trong nghề của ông đưa lại cho nhiều thế hệ người học những bài học quý, trong đó, một bài học sơ đẳng nhưng hết sức bổ ích: “Học suốt đời”.

Học và tự học

GS.TS Nguyễn Ngọc Long sinh năm 1937 tại một làng quê đồng bằng Bắc Bộ, nay là thôn Nhân Vũ, xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (sách Giáo sư Việt Nam xuất bản năm 2004, trang 695 in sai thành Quận Cầu Giấy, Hà Nội). Ông sinh ra và lớn lên dưới mái ấm một gia đình nông dân lao động mang đậm tinh thần hiếu học của truyền thống dân tộc. Bố để được gia đình gắng sức cho đi học “trường tỉnh” rồi làm nghề dạy học ở tỉnh Hà Nam, nhưng chẳng may mất sớm. Chính hoàn cảnh gia đình đã góp phần hun đúc trong ông từ thuở nhỏ những phẩm chất quý báu như lòng ham học, tinh thần tự học kiên trì và ước mơ trở thành thầy giáo.

Những ước mơ, hi vọng ấy tưởng chừng bị dập tắt bởi tai họa chiến tranh, khi quân Pháp đánh chiếm miền Nam Hưng Yên. Ông nhớ lại: “Đó là vào đầu năm 1950, khi tôi mới 13 tuổi, chưa xong chương trình đệ nhất trung học. Trường học đóng cửa hết, một số bạn bè được đi học tiếp do gia đình có điều kiện cho đi sơ tán ra vùng tự do hoặc đi trọ học trong vùng địch. Tôi phải nghỉ học, tham gia lao động cùng gia đình. Hơn một năm sau đó, khi quê tôi trở thành vùng chiến tranh du kích, tôi được trưng dụng làm cán bộ văn phòng Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã Nguyễn Trãi. Trong hoàn cảnh như vậy, tôi chỉ có thể thực hiện hành trình kiếm tìm tri thức cho mình bằng sự cố gắng và kiên trì tự học qua sách vở mượn được từ bạn bè và người thân”.

Đầu năm 1953, để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của vùng mới giải phóng, Ty Giáo dục

tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên) mở khóa Sư phạm cấp tốc, đào tạo giáo viên dạy lớp 3-4 phổ thông cấp 1 để tuyển sinh tiêu chuẩn học lực hết đệ nhị trung học (hệ thống giáo dục cũ, gồm 4 lớp từ đệ nhất đến đệ tứ hoặc tương đương).

“Với nỗ lực học tập, rèn luyện tôi hoàn thành khóa học đạt kết quả xuất sắc với danh hiệu ‘học sinh gương mẫu’ và sung sướng hơn cả là khi nhận tờ Quyết định tuyển dụng làm giáo viên quốc lập từ ngày 15/7/1953, đồng thời với Quyết định bổ nhiệm làm Hiệu trưởng và dạy lớp 4 Trường Phổ thông cấp 1 xã Hồng Quang - một trường phổ thông cấp 1 lớn trong huyện quê nhà”, GS.TS Nguyễn Ngọc Long chia sẻ.



GS.TS Nguyễn Ngọc Long - Nguyên Trưởng khoa Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Dạy và học

Theo GS.TS Nguyễn Ngọc Long, nếu như học và tự học đã tạo hành trang tri thức cho ông vào đời thành một thầy giáo trẻ thì cũng

chính dạy học gắn bó với tự học là nguồn năng lượng cho hành trình từ một giáo viên trẻ đến một GS.TS Triết học. Qua những chặng đường, từ giáo viên cấp 1 thành giáo viên cấp 2 phổ thông, giáo viên phổ thông thành một giảng viên đại học, rồi một GS.TS Triết học. Đó là hành trình học suốt đời cả khi đã nghỉ hưu ở tuổi thất tuần.

Vào nghề khi còn rất trẻ, lại phải dạy lớp cuối cấp 1, ông luôn tự nhủ: “*Phải ‘học nữa’ để dạy tốt. Chỉ có như vậy mới có được sự kính trọng của học trò và sự tin yêu của đồng nghiệp. Nhưng một kết quả khác đến ngoài mong đợi, đó là chất lượng dạy tốt với tỉ lệ vượt trội học sinh thi đỗ vào cấp 2 trường huyện, lại làm thành tiền đề cho bước tiến lên làm giáo viên phổ thông cấp 2*”.

GS.TS Nguyễn Ngọc Long nhớ lại, năm học 1959-1960, để đưa miền Bắc bước sang giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngành giáo dục có bước phát triển mới. Trường Sư phạm cấp 2 Hưng Yên được thành lập để đào tạo giáo viên phổ thông cấp 2. Nhà trường tổ chức một khóa đặc biệt gồm một lớp khoa học tự nhiên (KHTN) và một lớp khoa học xã hội (KHXXH). Học viên là những giáo viên cấp 1 có thành tích giảng dạy xuất sắc được cử tuyển bởi Ty Giáo dục tỉnh Hưng Yên. Thời gian đào tạo là 1 năm học, ra trường dạy cấp 2, sau đó sẽ học tiếp chương trình hoàn chỉnh vào 2 tháng hè 1961.

“*Tôi được vào học lớp KHTN và hoàn thành khóa học với kết quả là một trong hai học sinh có điểm tổng kết tất cả các môn học đều là điểm 5 (thang điểm Liên Xô), thi đỗ tốt nghiệp, rời ra trường nhận nhiệm vụ mới*”, ông cho biết.

Tháng 8/1960, ông tham gia đoàn giáo viên cấp 2 tỉnh Hưng Yên đi phát triển giáo dục miền núi tại tỉnh Yên Bái được Ty Giáo dục Yên Bái cử làm Hiệu trưởng và đi mở một trường mới là Trường phổ thông cấp 2 xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên. Qua 5 năm xây dựng và phát triển trong phong trào thi đua “Hai Tốt”, năm học 1964 - 1965 Trường Cấp 2 Báo Đáp là đơn vị đầu tiên của ngành Giáo dục tỉnh Yên Bái đạt danh hiệu Tổ Lao động Xã hội chủ nghĩa, ông được kết nạp vào Đảng và được cử đi học đại học.

“*Năm 1965 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp công tác giáo dục đào tạo của tôi, do sự thay đổi chuyên ngành đào tạo từ Sư phạm Toán - Lý tại Đại học Sư phạm Hà Nội, sang chuyên ngành Giáo viên Chính trị cho trường cấp 3, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp tại Trường Chính trị Bộ Giáo dục.*”

Thời gian đào tạo cũng là 2 năm như đa số các trường đại học thời ấy, nhưng chỉ tuyển sinh là đảng viên. Tỉnh Yên Bái được 2 chỉ tiêu, số được cử đi học đại học năm ấy cũng chỉ có 2 đảng viên, trong đó có tôi đang là đảng viên dự bị. Lúc đó, tôi nhập học với tâm trạng khá buồn, không phải vì đó là khóa học đầu tiên trường phải sơ tán lên Bắc Giang, mà vì sẽ không còn được dạy các môn học mà tôi yêu thích là KHTN. Chương trình học có Triết học, nhưng rồi Triết học lại là môn học được hầu hết học viên chúng tôi thích học hơn cả. Bất ngờ hơn, tôi được Trường Chính trị giữ lại làm cán bộ giảng dạy của Khoa Triết học, từ tháng 10/1967”, GS.TS Nguyễn Ngọc Long kể lại.

Nghiên cứu và giảng dạy Triết học

Gần 6 năm ở Khoa Triết học Trường Chính trị Bộ Giáo dục, ông được Khoa cho đi học lớp Nghiên cứu sinh Triết học khóa III tại Trường Nguyễn Ái Quốc Trung Ương. Sau 3 năm học, ông được giữ lại làm giảng viên của Khoa Triết học.

Với việc bảo vệ thành công luận án Phó Tiến sĩ Triết học tại Viện Hàn lâm KHXXH thuộc Ban Chấp hành Trung Ương Đảng Cộng sản Liên Xô cuối năm 1982, ông đã có thể vững bước hơn trên hành trình sự nghiệp giáo dục của một Giảng viên cao cấp. Ông trở thành Phó Giáo sư từ 1988, rồi Giáo sư Triết học năm 1996, đồng thời đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng khoa từ năm 1983, rồi Trưởng khoa Triết học (1987-1999) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, thành viên nhiều nhiệm kỳ Hội đồng Chức danh GS, PGS chuyên ngành Triết học - Chính trị học - Xã hội học và Hội đồng Lý luận Trung Ương nhiệm kỳ 2001-2005.

Là một giảng viên, GS.TS Nguyễn Ngọc Long đã hướng dẫn thành công 17 luận án

Tiến sĩ và một số luận văn Thạc sĩ, là chủ biên và đồng chủ biên một số giáo trình Triết học đã được sử dụng chính thức và rộng rãi cả trong và ngoài Học viện như: Giáo trình Triết học Mác-Lênin, Chương trình cao cấp; Giáo trình Triết học Mác-Lênin, dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng (Đồng chủ biên); Triết học (Gồm 3 tập), dùng cho học viên Cao học không chuyên ngành Triết học (Đồng chủ biên)... Trong đó, bộ Triết học Mác-Lênin, Chương trình cao cấp, gồm 3 tập do ông là chủ biên, xuất bản lần đầu năm 1992, sau đó tái bản nhiều lần do được sử dụng rộng rãi cả trong và ngoài Học viện.

Những kết quả nghiên cứu khoa học, trong đó có những đề tài cấp Nhà nước do ông làm chủ nhiệm đã đóng góp bổ ích để nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, đồng thời đóng góp vào công tác lý luận của Đảng, thực hiện đổi mới tư duy lý luận để nhận thức con đường quá độ lên CNXH ở nước ta.

Một số luận điểm về đổi mới thể chế chính trị trong bài “Mâu thuẫn giữa cơ sở kinh tế và thể chế chính trị - cái mắt xích chủ yếu của quá trình đổi mới hiện nay ở nước ta” của GS.TS Nguyễn Ngọc Long đăng trên Tạp chí Cộng sản số 3-1989, được sự quan tâm rộng rãi, thậm chí cả sự phản ứng mạnh mẽ của một số nhà khoa học nơi ông đang làm việc. Thậm chí, một nhà nghiên cứu người Australia đã đề nghị Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh cho làm việc với ông.

Tuy nhiên, đến Đại hội VII quan điểm của GS.TS Nguyễn Ngọc Long qua bài báo được xác nhận khi cho rằng: “*Đồng thời với đổi mới kinh tế phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị...*”.

Một số luận điểm, ý kiến ở đề tài cấp Nhà nước KX.05-04 (1991-1995) của GS.TS Nguyễn Ngọc Long về hệ thống chính trị thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta cũng đã nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu. Ông từng đưa ra luận điểm rằng “*Thực chất vấn đề quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở nước ta lại là phát triển tư bản với tính cách*

là khâu trung gian để đi lên CNXH” (Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 4-1992) hoặc kiến nghị “*Cần nhận thức sự khác biệt giữa sự quá độ lên CNXH ở nước ta với lý luận về thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH trong học thuyết Mác-Lênin để tránh sai lầm giáo điều*”, từ đó kiến nghị, thay cho thuật ngữ thời kỳ quá độ nên dùng thuật ngữ giai đoạn quá độ lên CNXH ở nước ta...

Đảng Cộng sản cầm quyền và Nhà nước pháp quyền XHCN là những vấn đề to lớn của CNXHKH được sự quan tâm đặc biệt trong việc nghiên cứu triết học của GS Nguyễn Ngọc Long. Từ quan điểm lịch sử, ông đi tới nhận định: “*Trong di sản học thuyết Mác-Lênin, vấn đề Đảng Cộng sản cầm quyền và Nhà nước pháp quyền XHCN đã được đặt ra nhưng chưa được làm sáng tỏ về lý luận và kiểm nghiệm trong thực tiễn. Vì vậy, yêu cầu đặt ra ngày nay không chỉ là vận dụng sáng tạo mà phải tổng kết thực tiễn để xây dựng nên lý luận Đảng Cộng sản cầm quyền và Nhà nước pháp quyền XHCN*”. Nói về việc giảng dạy Triết học hiện nay, GS.TS Nguyễn Ngọc Long cho hay, thực tiễn đòi hỏi phải đổi mới hơn nữa việc giảng dạy và nghiên cứu triết học ở nước ta.

Một điều kiện đảm bảo thành công của quá trình đổi mới trong nghiên cứu và giảng dạy triết học là đứng vững trên lập trường thế giới quan duy vật khoa học, phát huy tinh thần cách mạng của phép biện chứng duy vật của triết học macxit, với tính cách là giá trị của thành quả tư duy triết học của nhân loại, đạt một mốc phát triển lịch sử bởi triết học Mác, chứ không phải đó là đỉnh cao tuyệt đối cuối cùng.

Hiện nay, đối với người giảng dạy, nghiên cứu triết học hay những người trẻ quan tâm đến Triết học, họ có những khó khăn riêng, nhưng cũng có những thuận lợi riêng. Người trẻ có một trong những lợi thế đó là trở nên cao hơn và có thể nhìn xa hơn khi “đứng trên vai” của thế hệ trước. Vấn đề là phải phát huy hơn nữa bầu không khí dân chủ cho sự tranh luận sôi nổi, mà người Hy Lạp cổ đại gọi tranh luận là bố đẻ của chân lý, như quá trình đổi mới tư duy lý luận được khơi lên như ĐH VI của Đảng đã làm.

CÂU CHUYỆN: CHIẾC LƯỢC TÌNH YÊU

PHẠM VĂN ĐỨC (SƯU TÂM)

Một ngày nọ, người vợ có mái tóc dài bảo chồng hãy mua cho bà một chiếc lược mới để bà chải tóc được gọn gàng hơn. Người chồng đã xin lỗi và từ chối bà. Ông nói rằng mình còn không có đủ tiền để sửa chiếc đồng hồ đeo tay bị hỏng. Người vợ nghe vậy và không nói gì thêm.

Hôm sau người chồng đi làm, ông qua tiệm đồng hồ và bán chiếc đồng hồ của mình với giá rẻ để mua chiếc lược mới cho vợ.

Buổi tối, ông vui vẻ ngồi đợi vợ ở nhà với chiếc lược mới trên tay.

Tuy nhiên, một lúc sau, ông vô cùng sửng sốt khi thấy vợ xuất hiện với một mái tóc ngắn. Thì ra bà đã bán mái tóc của mình đi để mua cho ông chiếc dây đồng hồ mới.

Những giọt nước mắt rơi trên má họ, không phải vì những việc họ làm là vô ích, mà vì tình yêu sâu sắc mà họ dành cho nhau.

